

Bản án số: 15/2023/HS-ST

Ngày: 13/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Việt Dũng

2. Ông Nguyễn Việt Hưng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát V.

Ngày 13 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 11/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh T** - Sinh năm 1991 tại tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: xóm S, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hoá: 04/12; Con ông: Nguyễn Văn Đ (đã chết); Con bà: Nông Thị H; Vợ con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân:

Tại bản án số 17/HSST ngày 20/4/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*”. Bản án đã được xóa án tích.

Tại bản án số 26/HSST ngày 05/4/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. T đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2017. Bản án đã được xóa án tích

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

** Bị hại:*

Anh Dương Văn V, sinh năm 1978. (có đơn xét xử vắng mặt)

Trú tại: TDP TS, thị trấn HS, huyện Đ, Thái Nguyên.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đoàn Kết Th, sinh năm 1944 (có mặt)

Trú tại: xóm S, xã H, huyện Đ, Thái Nguyên.

** Người làm chứng:*

Bà Nông Thị H, sinh năm 1971. (có mặt)

Trú tại: xóm S, xã H, huyện Đ, Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T là người nghiện ma túy, không có việc làm ổn định, khoảng 20 giờ 20 phút ngày 27/10/2022, T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 20F1-154.17 (của ông Đoàn Kết Th, là bố dượng của T) từ nhà theo đường QL37 lên thị trấn HS, huyện Đ xem có nhà ai sơ hở trong quản lý tài sản để trộm cắp để bán lấy tiền tiêu sài. Khi T đi đến khu vực Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đại Từ thuộc TDP Đ, thị trấn HS, huyện Đ thì phát hiện bên đối diện ngân hàng có 01 cửa hàng điện máy “VT mua bán, sửa chữa đồ điện” của anh Dương Văn V (sinh năm 1978, trú tại: TDP TS, thị trấn HS, huyện Đ) đang đóng cửa, không có người bên trong, bên ngoài trước cửa quán có để máy phát điện, máy mô tô rửa xe, bàn máy cắt... T điều khiển xe mô tô đi vào ngách đường bê tông sát với quán của anh V rồi đỗ xe ở rìa đường đi bộ đến cửa quán. T thấy phía trước cửa quán có lắp camera an ninh, nhưng do T đội mũ bảo hiểm và bịt khẩu trang kín nên nghĩ mọi người sẽ không phát hiện nhận ra. T quan sát thấy chiếc máy mô tô rửa xe để ở trên kệ giá tầng 2, còn chiếc máy phát điện và bàn máy cắt sắt để ở trên bậc thềm được làm bằng nan sắt, trong đó chiếc máy phát điện được xích bằng dây xích vào nan sắt của bậc thềm. T liền ngồi xuống hiên nhà và dùng chân phải dẫm dây xích xuống đất làm đứt dây xích. Do sợ bị phát hiện nên T đi ra vị trí để xe đợi khoảng 15 phút rồi quay lại lấy trộm chiếc mô tô rửa xe cho vào cốp xe rồi điều khiển xe đi sâu vào trong ngõ thì thấy ngõ này đi thông ra khu vực đường tròn chợ trung tâm Đại Từ. Khoảng 15 - 20 phút sau T tiếp tục quay lại và đỗ xe ngang với cửa quán của anh V (đầu xe quay hướng đường đi Tuyên Quang, đuôi xe quay hướng Thái Nguyên) để lấy trộm chiếc máy phát điện và bàn máy cắt sắt. T dùng hai tay bê chiếc bàn máy cắt sắt lên để sau yên xe, rồi quay lại bê chiếc máy phát điện lên giá để hàng giữa khung xe mô tô của T. Khi T ngồi lên xe nổ máy để chờ số tài sản trộm cắp được mang đi tiêu thụ thì đúng lúc này anh Dương Văn V mở camera an ninh phía trước cửa hàng kiểm tra, phát hiện sự việc trên nên đã điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA BKS 20A-259.86 đi đến ép xe T lại không cho T bỏ chạy, xe của T bị ép sát vào bên phải làm

chiếc máy cắt sắt rơi xuống, do sợ bị người dân bắt giữ nên T đã nhảy ra khỏi xe bỏ chạy về nhà để lại xe mô tô cùng tài sản trộm cắp.

Về phía anh Dương Văn V đã làm đơn trình báo sự việc đến Công an thị trấn Hùng Sơn đề nghị giải quyết theo quy định.

Công an thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ đã tiến hành lập biên bản sự việc và thu giữ vật chứng gồm: 01 bàn máy cắt sắt màu cam sản xuất tại khu công nghiệp Mỹ Đồng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; 01 máy phát điện nhãn hiệu Yamaha ET900; 01 mô tơ máy rửa xe nhãn hiệu DSTONG 1903 màu đỏ đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade mang BKS: 20F1-15417 màu đỏ - đen - trắng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh nước biển; 01 ví da màu đen, bên trong ví có 01 căn cước công dân, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Thanh T; 01 đăng ký xe mô tô BKS: 20F1 - 15417 mang tên Đoàn Kết Th và số tiền 44.000 đồng.

Xét thấy có dấu hiệu tội phạm, Công an thị trấn Hùng Sơn đã chuyển hồ sơ, vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 75/KL - HĐĐGTS ngày 29/10/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đại Từ kết luận: 01 bàn máy cắt sắt màu cam sản xuất tại khu Công nghiệp Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng tại thời điểm tháng 10/2022 trị giá 2.000.000 đồng; 01 máy phát điện nhãn hiệu Yamaha ET 900 mua cũ vào đầu năm 2020, tại thời điểm tháng 10/2022 trị giá 1.100.000đồng; 01 mô tơ máy rửa xe nhãn hiệu DSTONG 1903 màu đỏ đen mua mới năm 2019, tại thời điểm tháng 10/2022 trị giá 800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của anh V là 3.900.000 đồng;

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bàn máy cắt sắt màu cam sản xuất tại khu Công nghiệp Mỹ Đồng, Thủy Nguyên, Hải Phòng; 01 máy phát điện nhãn hiệu Yamaha ET 900; 01 mô tơ máy rửa xe nhãn hiệu DSTONG 1903 màu đỏ đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 20F1 - 154.17 và đăng ký xe mô tô BKS 20F1-154.17 mang tên Đoàn Kết Th. Ngày 24/11/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ đã trả lại số tài sản trên cho anh V, ông Th quản lý và sử dụng.

- 01 điện thoại Vivo được niêm phong trong phong bì ký hiệu N.
- 01 ví da màu đen.
- 01 chứng minh nhân dân, 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Thanh T;
- 44.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản của mình, không yêu cầu đề nghị gì đối với T.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKSĐT, ngày 16/01/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phân luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo: 01 ví da màu đen, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh T, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thanh T, 01 thẻ ngân hàng màu xanh đề tên Nguyễn Thanh T.

Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, số tiền 44.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình, xã hội trong lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra V, kiểm sát V đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; kết luận giám định; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 27/10/2022, lợi dụng gia đình anh Dương Văn V, trú tại: TDP TS, thị trấn HS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sở hữ trong việc quản lý tài sản. Nguyễn Thanh T đã thực hiện hành vi trộm cắp của anh V 01 bàn máy cắt sắt màu cam trị giá 2000.000 đồng;

01 máy phát điện nhãn hiệu Yamaha ET 900 trị giá 1.100.000đồng; 01 mô tô máy rửa xe nhãn hiệu D5TONG 1903 màu đỏ trị giá 800.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp của anh V là 3.900.000 đồng. Hiện số tài sản trên đã được thu hồi và trả lại cho anh V quản lý và sử dụng.

Với hành vi nêu trên, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung điều luật quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2000.000 đồng đến dưới 50.000.000đồng ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Vì vậy cần phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo là người có nhân thân xấu, 02 lần bị Tòa án nhân dân huyện Đại Từ xử phạt về tội chiếm đoạt tài sản (01 lần tội Cướp tài sản, 01 lần tội Trộm cắp tài sản). Sau khi chấp hành hình phạt bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần có mức án nghiêm khắc đối với bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho người bị hại, người bị hại đã nhận lại tài sản và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là “Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn”, “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo là đối tượng nghiện, bản thân bị cáo không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Trách nhiệm dân sự:

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng vụ án.

- 01 ví da màu đen, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh T, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thanh T, 01 thẻ ngân hàng màu xanh đề tên Nguyễn Thanh T xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo được niêm phong trong phong bì ký hiệu N, số tiền 44.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[7]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Liên quan đến vụ án còn có ông Đoàn Kết Th là chủ sở hữu chiếc xe mô tô BKS: 20F1-154.17, T sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, khi lấy xe để sử dụng T không nói cho ông Th biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ không xem xét xử lý đối với ông Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/10/2022.

- Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam bị cáo 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên không xem xét.

3. Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo: 01 ví da màu đen, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thanh T, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thanh T, 01 thẻ ngân hàng màu xanh đề tên Nguyễn Thanh T.

- Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo được niêm phong trong phong bì ký hiệu N, số tiền 44.000đ tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/01/2023 giữa Công an huyện Đại Từ với Chi cục THADS huyện Đại Từ, ủy nhiệm chi số 4 ngày 17/01/2023).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo Nguyễn Thanh T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN; Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh TN; VKSND H. Đại Từ;
- Công an H. Đại Từ;
- Chi cục THADS H. Đại Từ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thúy Quỳnh